

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 888/GT-HCCB

Tp.HCM, ngày 08 tháng 09 năm 2022.

Về việc giải trình sự biến động lợi  
nhuận sau thuế BCTC riêng Công ty mẹ  
bán niên năm 2022 sau soát xét so với  
cùng kỳ năm trước

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty: Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam (CSV)  
Trụ sở chính: 22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (028) 38296620 - 38225373  
Fax: (028) 38239109 - 38243166  
Website: [www.sochemvn.com](http://www.sochemvn.com)  
Email: [sbcc@sochemvn.com](mailto:sbcc@sochemvn.com)

Căn cứ báo cáo tài chính riêng công ty mẹ bán niên năm 2022, Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam (mã chứng khoán CSV) xin được giải trình biến động lợi nhuận sau thuế BCTC riêng công ty mẹ bán niên năm 2022 sau soát xét so với cùng kỳ năm 2021 như sau:

Loại báo cáo	Lợi nhuận sau thuế		Chênh lệch (1) – (2)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
	Bán niên năm 2022 (1)	Bán niên năm 2021 (2)		
Báo cáo tài chính riêng công ty mẹ sau soát xét	163.775.670.525	93.703.257.980	70.072.412.545	74,78%

Nguyên nhân:

STT	Chỉ tiêu	Bán niên 2022	Bán niên 2021	Chênh lệch
(I)	(II)	(III)	(IV)	(V) = (III) – (IV)
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	734.578.798.790	543.052.314.942	191.526.483.848
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	33.842.977		33.842.977
3.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	734.544.955.813	543.052.314.942	191.492.640.871
4.	Giá vốn hàng bán	487.363.802.268	370.043.898.897	117.319.903.371
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	247.181.153.545	173.008.416.045	74.172.737.500
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21.380.351.353	4.703.173.811	16.677.177.542
7.	Chi phí tài chính	2.987.112.430	2.971.990.612	15.121.818
8.	Chi phí bán hàng	37.082.212.546	30.627.840.916	6.454.371.630

STT	Chỉ tiêu	Bán niên 2022	Bán niên 2021	Chênh lệch
(I)	(II)	(III)	(IV)	(V) = (III) – (IV)
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	27.796.481.745	26.931.993.924	864.487.821
<b>10.</b>	<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>200.695.698.177</b>	<b>117.179.764.404</b>	<b>83.515.933.773</b>
11.	Thu nhập khác	405.283.147	33.986.197	371.296.950
12.	Chi phí khác	14.684.094	14.258.100	425.994
<b>13.</b>	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>390.599.053</b>	<b>19.728.097</b>	<b>370.870.956</b>
<b>14.</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>201.086.297.230</b>	<b>117.199.492.501</b>	<b>83.886.804.729</b>
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	38.954.950.277	24.664.510.903	14.290.439.374
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-1.644.323.572	-1.168.276.382	-476.047.190
<b>17.</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>163.775.670.525</b>	<b>93.703.257.980</b>	<b>70.072.412.545</b>

Lợi nhuận kế toán trước thuế bán niên năm 2022 tăng 83.887 triệu đồng (tương ứng tăng 71,58%), và lợi nhuận sau thuế bán niên năm 2022 tăng 70.072 triệu đồng (tương ứng tăng 74,78%) so với cùng kỳ năm trước do một số nguyên nhân chính:

- Doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ bán niên năm 2022 tăng 191.493 triệu đồng (tỷ lệ tăng 35,26%), nguyên nhân chủ yếu do sản lượng tiêu thụ các sản phẩm chính tăng như: HCl tăng 34%; Phèn đơn tăng 15%, H<sub>3</sub>PO<sub>4</sub> tăng 18%, và PAC tăng 11%; bên cạnh đó giá bán bình quân một số sản phẩm chính tăng như: NaOH tăng 88%, Silicate tăng 38%, H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> tăng 67%, và H<sub>3</sub>PO<sub>4</sub> tăng 103% .

- Chi phí giá vốn hàng bán tăng 117.320 triệu đồng (tỷ lệ tăng 31,70%) , do sản lượng tiêu thụ tăng, chi phí giá thành H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> tăng (giá nguyên liệu lưu huỳnh tăng 40,79%), chi phí giá thành H<sub>3</sub>PO<sub>4</sub> tăng (giá nguyên liệu phốt pho tăng 136%), chi phí giá thành sản phẩm gốc xút – clor tăng (giá muối công nghiệp tăng 72%) .

- Doanh thu hoạt động tài chính so với cùng kỳ năm trước tăng 16.677 triệu đồng (tăng 354,59%), do chủ yếu trong kỳ lãi tiền gửi tăng 1.529 triệu đồng và thu cổ tức từ công ty con tăng 15.148 triệu đồng.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 864 triệu đồng (tăng 3,21%).

- Chi phí bán hàng tăng 6.454 triệu đồng (tăng 21,07%) do sản lượng tiêu thụ tăng và giá cước vận chuyển tăng.

Trên đây là một số nguyên nhân chính, chủ yếu dẫn đến lợi nhuận sau thuế BCTC riêng công ty mẹ bán niên năm 2022 sau soát xét tăng so với cùng kỳ năm 2021.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. ✓

Trân trọng.

**Nơi nhận**

- Như trên
- HĐQT, CBTT
- Lưu VT, Thư ký



**Lê Thanh Bình**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
HÓA CHẤT CƠ BẢN MIỀN NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 882 /GT-HCCB

Tp.HCM, ngày 08 tháng 09 năm 2022.

Về việc giải trình sự biến động lợi  
nhuận sau thuế BCTC hợp nhất bán  
niên năm 2022 sau soát xét so với cùng  
kỳ năm trước

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty: Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam (CSV)  
Trụ sở chính: 22 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (028) 38296620 - 38225373  
Fax: (028) 38239109 - 38243166  
Website: [www.sochemvn.com](http://www.sochemvn.com)  
Email: [sbcc@sochemvn.com](mailto:sbcc@sochemvn.com)

Căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2022 sau soát xét, Công ty cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam (mã chứng khoán CSV) xin được giải trình biến động lợi nhuận sau thuế BCTC hợp nhất bán niên năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021 như sau:

Loại báo cáo	Lợi nhuận sau thuế		Chênh lệch (1) – (2)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
	Bán niên 2022 (1)	Bán niên 2021 (2)		
Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên sau soát xét	240.958.018.852	95.075.161.176	145.882.857.676	153,44

Nguyên nhân:

STT	Chỉ tiêu	Bán niên 2022	Bán niên 2021	Chênh lệch
(I)	(II)	(III)	(IV)	(V) = (III) – (IV)
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.044.218.542.749	699.051.534.847	345.167.007.902
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	33.842.977		33.842.977
3.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.044.184.699.772	699.051.534.847	345.133.164.925
4.	Giá vốn hàng bán	678.117.838.544	514.753.758.327	163.364.080.217
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	366.066.861.228	184.297.776.520	181.769.084.708
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	8.637.360.793	5.293.729.227	3.343.631.566
7.	Chi phí tài chính	3.126.051.515	3.412.389.798	-286.338.283



STT	Chỉ tiêu	Bán niên 2022	Bán niên 2021	Chênh lệch
(I)	(II)	(III)	(IV)	(V) = (III) – (IV)
8.	Chi phí bán hàng	40.867.456.111	39.203.413.107	1.664.043.004
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	29.726.457.130	28.054.138.116	1.672.319.014
<b>10.</b>	<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>300.984.257.265</b>	<b>118.921.564.726</b>	<b>182.062.692.539</b>
11.	Thu nhập khác	405.283.147	33.986.197	371.296.950
12.	Chi phí khác	21.184.094	19.461.021	1.723.073
<b>13.</b>	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>384.099.053</b>	<b>14.525.176</b>	<b>369.573.877</b>
<b>14.</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>301.368.356.318</b>	<b>118.936.089.902</b>	<b>182.432.266.416</b>
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	62.054.661.038	25.035.633.945	37.019.027.093
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-1.644.323.572	-1.174.705.219	-469.618.353
<b>17.</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>240.958.018.852</b>	<b>95.075.161.176</b>	<b>145.882.857.676</b>

Lợi nhuận kế toán trước thuế bán niên năm 2022 tăng 182.432 triệu đồng (tương ứng tăng 153,39%), và lợi nhuận sau thuế bán niên năm 2022 tăng 145.883 triệu đồng (tương ứng tăng 153,44%) so với cùng kỳ năm trước do một số nguyên nhân chính:

- Doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ bán niên năm 2022 tăng 345.133 triệu đồng (tỷ lệ tăng 49,37%), nguyên nhân chủ yếu do:

+ Tại công ty mẹ: doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ tăng 199.267 triệu đồng (tỷ lệ tăng 35,44%), do sản lượng tiêu thụ các sản phẩm chính tăng như: HCl tăng 34%; Phèn đơn tăng 15%, H<sub>3</sub>PO<sub>4</sub> tăng 18%, H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> tăng 18% và PAC tăng 11%; bên cạnh đó giá bán bình quân một số sản phẩm chính tăng như: NaOH tăng 88%, Silicate tăng 38%, H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> tăng 67%, Javel tăng 10% và H<sub>3</sub>PO<sub>4</sub> tăng 103% .

+ Tại công ty con: giá bán bình quân phốt pho vàng tăng 130%, sản lượng tiêu thụ tăng 17%.

- Chi phí giá vốn hàng bán tăng 163.364 triệu đồng (tỷ lệ tăng 31,74%) , do:

+ Tại công ty mẹ: chi phí giá vốn hàng bán tăng do sản lượng tiêu thụ tăng, chi phí giá thành H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> tăng (giá nguyên liệu lưu huỳnh tăng 40,79%), chi phí giá thành sản phẩm gốc xút – clor tăng (giá nguyên liệu muối công nghiệp tăng 72%).

+ Tại công ty con: do sản lượng tiêu thụ sản phẩm phốt pho vàng tăng, giá thành sản phẩm Phốt pho vàng tăng (do giá nguyên liệu quặng Apatit tăng 11,68%, than cốc tăng 73,34%).

- Doanh thu hoạt động tài chính so với cùng kỳ năm trước tăng 3.344 triệu đồng (tăng 63,18%), do chủ yếu do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ tăng.

- Chi phí tài chính giảm 286 triệu (tương ứng giảm 8,39%) chủ yếu do chi phí lãi vay giảm 1.878 triệu đồng và lỗ do đánh giá lại tỷ giá cuối kỳ tăng 1.624 triệu đồng.

- Chi phí bán hàng tăng 1.664 triệu đồng (tăng 4,24%) do sản lượng tiêu thụ tăng và đơn giá vận chuyển sản phẩm tăng.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 1.672 triệu đồng (tăng 5,96%).

Trên đây là một số nguyên nhân chính, chủ yếu dẫn đến lợi nhuận sau thuế BCTC hợp nhất bán niên năm 2022 tăng so với cùng kỳ năm 2021.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. ✓

Trân trọng.

**Nơi nhận**

- Như trên
- HĐQT, CBTT
- Lưu VT, Thư ký

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Lê Thanh Bình**

